

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 4 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga

2. Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyền Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm: 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Y.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 - 01 - 2022, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Bà Hoàng Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng đến ngày 09/7/2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Sau khi kết hôn, bà B và ông D sống với nhau đến đầu tháng 8/2020 thì

xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông D không lo làm ăn vun vén cho gia đình mà ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ cuối năm 2020 đến nay bà B và ông D sống ly thân, không còn quan hệ về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với Ông Phạm Văn D.

- Về con chung: Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm T.T, sinh ngày: 11/01/2006. Con chung hiện nay sống cùng bà B, nếu ly hôn bà B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Ông Phạm Văn D, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng là thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa để ông D tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Bà Hoàng Thị B tuân thủ các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Ông Phạm Văn D không tuân thủ các quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Ông D được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà B và ông D.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà Hoàng Thị B được ly hôn với Ông Phạm Văn D. Về con chung, giao con chung là Phạm T.T, sinh ngày: 11/01/2006 cho Bà Hoàng Thị B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hoàng Thị B chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phạm Văn D không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Hoàng Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, Ông Phạm Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định được quan hệ pháp luật là ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung; bị đơn cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông D là hợp pháp.

Quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà B do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông D không lo làm ăn vun vén cho gia đình mà ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ cuối năm 2020 đến nay bà B và ông D sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau.

Qua xác minh, chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà B và ông D vì khi xảy ra mâu thuẫn không ai trình báo.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông D là có thật, trong quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Trong quá trình làm việc, ông D đều vắng mặt không có lý do nên không trình bày được ý kiến và không bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Hoàng Thị B đối với Ông Phạm Văn D.

- Về con chung: Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm T.T, sinh ngày: 11/01/2006. Bà B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bà B đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định và theo nguyện vọng của

cháu Trúc muốn sống cùng bà B. Do vậy cần giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà B không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị B.

Bà Hoàng Thị B được ly hôn với Ông Phạm Văn D.

2. *Về con chung:* Bà Hoàng Thị B và Ông Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm T.T, sinh ngày: 11/01/2006. Giao con chung cho Bà Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00010768 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Bà B đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Bành Thị Thu Hà

